

# **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

*Các Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007*

*và Báo cáo của Hội đồng Quản trị*

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối Kế toán riêng	5 - 8
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh riêng	9 - 10
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ riêng	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng	13 - 42

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng kí lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/2000/GPHDKD, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Năm 2007, Công ty đã ngừng thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán 2006 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2007. Toàn bộ hoạt động này được chuyển giao sang công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty là 855.764.976.019 đồng Việt Nam (năm 2006: 242.030.533.143 đồng Việt Nam).

Trong năm, công ty đã trả cổ tức đợt 2 cho năm 2006 bằng cổ phiếu với tổng trị giá là 99.999.570.000 đồng Việt Nam và tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2007 bằng tiền với tổng trị giá là 49.999.800.000 đồng Việt Nam.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Tại ngày 30 tháng 1 năm 2008, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu thành cổ phiếu. Vốn điều lệ của Công ty tăng lên tương ứng là 1.366.666.710.000 đồng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2007 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Tatsuoka Toyoji	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Ngô Văn Điềm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm 2007 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 03 năm 2007
Ông Nguyễn Duy Hưng	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2006 và miễn nhiệm ngày 05 tháng 03 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 1999

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,

---

Ông Nguyễn Duy Hưng  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2008

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (“các báo cáo tài chính riêng”) được trình bày từ trang 5 đến trang 42. Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán của công ty này đề ngày 7 tháng 3 năm 2007 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính năm 2006 của Công ty.

***Cơ sở ý kiến kiểm toán***

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

***Ý kiến kiểm toán***

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

---

Trần Đình Cường  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0135/KTV

---

Võ Xuân Minh  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2007	Ngày 31 tháng 12 năm 2006
<b>100</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>		<b>2.975.104.140.785</b>	<b>3.565.069.984.824</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>1.487.529.072.955</b>	<b>1.415.069.683.325</b>
111	1. Tiền mặt tại quỹ		3.901.836.997	7.412.434.896
112	2. Tiền gửi ngân hàng	IV.1	218.954.186.759	6.455.418.066
113	3. Tiền đang chuyển		-	-
114	4. Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	IV.2	1.264.663.878.109	1.401.192.586.494
115	5. Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành		-	-
116	6. Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		9.171.090	9.243.869
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>310.021.476.648</b>	<b>1.786.166.540.720</b>
121	1. Chứng khoán tự doanh	IV.3	370.902.592.198	1.668.691.244.934
	<i>Trong đó chứng khoán tự doanh đã bán ủy thác đầu tư</i>		-	64.480.678.400
122	2. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	IV.4	-	120.102.505.786
123	3. Đầu tư ngắn hạn		-	-
126	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	IV.5	(60.881.115.550)	(2.627.210.000)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>1.154.286.467.255</b>	<b>325.707.855.646</b>
132	1. Phải thu của nhà đầu tư	IV.6	250.028.880.120	136.059.009.351
133	2. Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán	IV.7	59.294.271.777	34.571.614.590
134	3. Ứng trước cho người bán	IV.8	841.806.055.154	24.716.519.937
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
136	5. Phải thu nội bộ		-	-
137	6. Phải thu khác	IV.9	3.157.260.204	130.360.711.768
138	7. Dự phòng khó đòi		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản lưu động khác</b>		<b>23.267.123.927</b>	<b>38.125.905.133</b>
151	1. Tạm ứng	IV.10	3.454.328.757	1.084.392.782
152	2. Chi phí trả trước	IV.11	1.975.817.170	850.012.351
153	3. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
156	4. Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	IV.12	17.836.978.000	36.191.500.000

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2007	Ngày 31 tháng 12 năm 2006
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>		<b>3.159.605.448.029</b>	<b>164.485.238.544</b>
<b>210</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>108.866.789.168</b>	<b>8.154.824.299</b>
211	1. Tài sản cố định hữu hình	IV.13.1	36.392.048.783	7.301.264.284
212	Nguyên giá		45.046.533.055	12.062.099.451
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.654.484.272)	(4.760.835.167)
214	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
215	Nguyên giá		-	-
216	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
217	3. Tài sản cố định vô hình	IV.13.2	72.474.740.385	853.560.015
218	Nguyên giá		73.909.449.800	1.448.000.000
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.434.709.415)	(594.439.985)
<b>220</b>	<b>II. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác</b>		<b>3.032.436.792.759</b>	<b>147.816.307.050</b>
221	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán	IV.14	2.435.931.642.759	126.244.407.050
222	2. Đầu tư vào các công ty liên kết	IV.15	485.000.000.000	-
223	3. Đầu tư vào các công ty con	IV.16	30.000.000.000	-
224	4. Đầu tư dài hạn khác	IV.17	81.505.150.000	21.571.900.000
227	5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		-	-
<b>230</b>	<b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>18.301.866.102</b>	<b>8.514.107.195</b>
241	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn	IV.18	6.015.644.132	6.546.346.406
242	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		1.513.947.613	426.675.699
243	3. Tài sản dài hạn khác	IV.19	10.772.274.357	1.541.085.090
<b>250</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.134.709.588.814</b>	<b>3.729.555.223.368</b>

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2007	Ngày 31 tháng 12 năm 2006
<b>300</b>	<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.086.588.627.365</b>	<b>2.522.270.608.261</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.529.929.400.865</b>	<b>1.670.224.381.249</b>
311	1. Vay ngắn hạn	IV.20	-	249.000.000.000
318	2. Phải trả người bán	IV.21	17.837.678.499	148.869.940.000
319	3. Người mua ứng trước	IV.22	85.890.514.414	913.814.400
320	4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		6.789.658.503	3.018.142.133
323	5. Thuế và các khoản phải trả khác	IV.23	87.922.832.291	59.914.785.781
324	6. Phải trả nhân viên		34.110.727	(5.251.389)
325	7. Chi phí phải trả	IV.24	78.021.555.183	8.189.714.190
327	8. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	IV.25	12.713.535.200	56.022.369.800
328	9. Phải trả, phải nộp khác	VI. 26	3.995.267.877	7.207.344.329
332	10. Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	IV.27	1.236.724.248.171	1.137.093.522.005
<b>340</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>556.659.226.500</b>	<b>852.046.227.012</b>
341	1. Vay dài hạn		-	-
342	2. Nợ dài hạn	IV.28	555.560.000.000	500.000.000.000
344	3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		1.099.226.500	-
345	4. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	IV.29	-	352.046.227.012
<b>400</b>	<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.048.120.961.449</b>	<b>1.207.284.615.107</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn góp ban đầu</b>	<b>IV.30</b>	<b>1.199.998.710.000</b>	<b>500.000.000.000</b>
412	1. Vốn góp cổ phần		1.199.998.710.000	500.000.000.000
<b>420</b>	<b>II. Vốn bổ sung</b>	<b>IV.30</b>	<b>1.995.777.965.000</b>	<b>510.549.150.000</b>
421	1. Thặng dư vốn cổ phần		1.995.777.965.000	510.549.150.000
422	2. Vốn bổ sung từ lợi nhuận		-	-
423	3. Vốn bổ sung từ nguồn khác		-	-
<b>430</b>	<b>III. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối</b>		<b>852.344.286.449</b>	<b>196.735.465.107</b>
431	1. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-
432	2. Quỹ dự phòng tài chính	IV.31	28.647.186.451	3.233.980.471
438	3. Lợi nhuận chưa phân phối		815.849.843.038	194.554.030.545
439	4. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	VI. 31	7.847.256.960	(1.052.545.909)
<b>450</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.134.709.588.814</b>	<b>3.729.555.223.368</b>

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2007

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
<b>6. Chứng khoán lưu ký của thành viên trong nước</b>		<b>4.535.411.100.000</b>	<b>3.316.376.890.000</b>
<b>6.1 Chứng khoán giao dịch thành viên trong nước</b>		<b>3.866.326.750.000</b>	<b>2.741.753.000.000</b>
- Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên trong nước		1.576.434.200.000	517.899.840.000
- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		2.289.892.550.000	2.222.339.760.000
- Chứng khoán giao dịch của người ủy thác đầu tư thành viên trong nước		-	1.513.400.000
<b>6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch thành viên trong nước</b>		-	<b>116.000.000.000</b>
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của công ty thành viên trong nước		-	116.000.000.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người ủy thác đầu tư		-	-
<b>6.3 Chứng khoán cầm cố thành viên trong nước</b>		<b>669.084.350.000</b>	<b>458.623.890.000</b>
- Chứng khoán cầm cố của công ty thành viên trong nước		289.842.260.000	291.900.000.000
- Chứng khoán cầm cố của người đầu tư thành viên trong nước		379.242.090.000	166.723.890.000
- Chứng khoán cầm cố của người ủy thác đầu tư		-	-
<b>6.4. Chứng khoán tạm giữ của thành viên trong nước</b>		-	-
- Chứng khoán tạm giữ của công ty thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm giữ của người đầu tư thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm giữ của người ủy thác đầu tư		-	-
<b>7. Chứng khoán lưu ký thành viên nước ngoài</b>		<b>241.345.260.000</b>	<b>108.396.470.000</b>
<b>7.1 Chứng khoán giao dịch thành viên nước ngoài</b>		<b>241.345.260.000</b>	<b>108.396.470.000</b>
- Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên nước ngoài		69.886.850.000	-
- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên nước ngoài		171.458.410.000	105.039.660.000
- Chứng khoán giao dịch của người ủy thác đầu tư thành viên nước ngoài		-	3.356.810.000

Kế toán Trưởng  
Phạm Tâm Hạnh

Giám đốc Tài chính  
Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc  
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2008

*Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính riêng này.*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**PHẦN I: LÃI - LỖ**

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>IV.32</b>	<b>1.184.823.676.818</b>	<b>339.941.484.067</b>
	Trong đó:		-	
02	- Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư		250.375.769.444	49.204.063.577
03	- Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán		695.396.145.555	194.427.361.720
04	- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		21.765.895.794	60.004.346.555
05	- Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán		51.620.852.881	8.911.433.540
06	- Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư		23.303.341.001	7.351.342.719
07	- Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư		5.480.963.894	1.194.330.245
08	- Hoàn nhập dự phòng và các khoản trích trước		-	-
09	- Doanh thu về vốn kinh doanh		136.880.708.249	18.490.938.841
10	- Doanh thu cho thuê tài sản, sử dụng thiết bị, sử dụng thông tin		-	357.666.870
<b>11</b>	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>IV.32</b>	<b>(287.197.790)</b>	<b>(500.000)</b>
<b>12</b>	<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>IV.32</b>	<b>1.184.536.479.028</b>	<b>339.940.984.067</b>
<b>13</b>	<b>4. Thu lãi đầu tư</b>	<b>IV.33</b>	<b>108.556.448.033</b>	<b>38.537.919.497</b>
<b>14</b>	<b>5. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư</b>		<b>1.293.092.927.061</b>	<b>378.478.903.564</b>
<b>15</b>	<b>6. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>IV.34</b>	<b>341.569.884.689</b>	<b>75.162.311.840</b>
<b>20</b>	<b>7. Lợi nhuận gộp</b>		<b>951.523.042.372</b>	<b>303.316.591.724</b>
<b>30</b>	<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		<b>1.096.828.631</b>	<b>633.027.606</b>
<b>40</b>	<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>		<b>950.426.213.741</b>	<b>302.683.564.118</b>
41	- Các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh		383.789.183	29.709.434
42	- Các khoản chi phí ngoài hoạt động kinh doanh		(145.647.903)	(22.706.713)
<b>50</b>	<b>10. Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh</b>		<b>238.141.280</b>	<b>7.002.721</b>
<b>60</b>	<b>11. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>950.664.355.021</b>	<b>302.690.566.839</b>
<b>61</b>	<b>12. Lợi nhuận tính thuế</b>		<b>948.993.790.021</b>	<b>303.300.168.481</b>
<b>70</b>	<b>13. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>IV.23</b>	<b>94.899.379.002</b>	<b>60.660.033.696</b>
<b>80</b>	<b>14. Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>855.764.976.019</b>	<b>242.030.533.143</b>
<b>90</b>	<b>15. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>	<b>V.1</b>	<b>8.296</b>	<b>6.899</b>

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>					
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Mã số</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>I Thuế</b>	<b>10</b>	<b>59.914.785.782</b>	<b>131.106.733.465</b>	<b>103.098.686.956</b>	<b>87.922.832.291</b>
1 Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	11		965.202.773	860.150.113	105.052.660
2 Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	12				
3 Thuế nhập khẩu	13				
4 Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	59.694.275.427	(*) 95.489.642.935	82.469.143.849	72.714.774.513
5 Thuế nhà đất	15				
6 Tiền thuê đất	16				
7 Các loại thuế khác	17	220.510.355	34.651.887.757	19.769.392.994	15.103.005.118
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		<i>4.604.913</i>	<i>17.484.731.563</i>	<i>3.043.246.098</i>	<i>14.446.090.378</i>
<i>Thuế môn bài</i>		<i>-</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Thuế khác</i>		<i>215.905.442</i>	<i>17.161.156.194</i>	<i>16.720.146.896</i>	<i>656.914.740</i>
<b>II Các khoản phải nộp khác</b>	<b>18</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1 Các khoản phí, lệ phí	19	-	-	-	-
2 Các khoản phải nộp khác	20	-	-	-	-
		<b>59.914.785.782</b>	<b>131.106.733.465</b>	<b>103.098.686.956</b>	<b>87.922.832.291</b>

(\*): Thuế thu nhập doanh nghiệp (EIT) phải nộp trong năm bao gồm 94.899.379.002 đồng EIT hiện hành cho năm 2007 và 590.263.933 đồng EIT phải nộp bổ sung cho năm trước.

Kế toán Trưởng  
Phạm Tâm Hạnh

Giám đốc Tài chính  
Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc  
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2008

*Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính riêng này.*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</b>			
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>950.664.355.021</b>	<b>302.690.566.839</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
2	Khấu hao TSCĐ	IV.13	7.091.966.775	2.003.039.072
3	Các khoản lập dự phòng	IV.5	58.253.905.550	2.627.210.000
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	IV.23	(82.469.143.849)	(3.431.249.084)
5	Cổ tức, lãi chia đã trả	IV.30	(49.999.800.000)	(47.818.700.000)
6	Tiền thực chi quỹ khen thưởng phúc lợi		(41.024.161.020)	(4.233.234.741)
7	Lãi lỗ thanh lý tài sản cố định	IV.13	167.849.153	-
8	Lãi lỗ khác		(36.424.153.072)	(16.653.589.834)
	<i>Chi phí lãi vay</i>		<i>72.132.194.961</i>	<i>21.884.329.663</i>
	<i>Thu lãi đầu tư</i>	<i>IV.33</i>	<i>(108.556.448.033)</i>	<i>(38.537.919.497)</i>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>806.260.818.558</b>	<b>235.184.042.252</b>
21	Tăng các khoản phải thu		(191.623.338.910)	(231.195.512.273)
22	(Tăng)/giảm chứng khoán tự doanh		436.588.511.065	(1.732.055.602.288)
23	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		(330.868.310.110)	1.474.561.542.177
24	(Tăng)/giảm Các khoản chi phí trả trước		(10.356.994.086)	2.165.691.197
25	(Tăng)/giảm các khoản ký quỹ, ký cược		18.885.224.274	(28.370.391.406)
26	Tăng các khoản nhận ký quỹ, ký cược		1.099.226.500	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>		<b>729.985.137.291</b>	<b>(279.710.230.341)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
41	Tiền mua TSCĐ	IV.13	(154.896.060.798)	(7.904.173.082)
42	Tiền đầu tư vào công ty con	IV.16	(30.000.000.000)	-
43	Tiền đầu tư vào công ty liên kết	IV.15	(485.000.000.000)	-
44	Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	IV.14,17	(1.957.083.381.652)	(106.010.521.575)
45	Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác		-	17.922.303.000
46	Thu lãi đầu tư		83.833.790.846	5.073.191.019
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.543.145.651.604)</b>	<b>(90.919.200.638)</b>

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>Ma ~ số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
51	Tiền thu góp vốn của chủ sở hữu	IV.30	2.085.227.955.000	943.549.150.000
52	Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu			-
53	Tiền vay		558.560.000.000	2.206.972.721.981
	<i>Tiền vay</i>		<i>503.000.000.000</i>	<i>1.706.972.721.981</i>
	<i>Tiền phát hành trái phiếu chuyển đổi</i>		<i>55.560.000.000</i>	<i>500.000.000.000</i>
54	Tiền trả nợ vay		(752.000.000.000)	(1.523.072.721.981)
55	Trả lãi tiền vay		(6.168.051.057)	(14.290.844.233)
<b>60</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.885.619.903.943</b>	<b>1.613.158.305.767</b>
<b>70</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>72.459.389.630</b>	<b>1.242.528.874.788</b>
<b>80</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>		<b>1.415.069.683.325</b>	<b>172.540.808.537</b>
<b>90</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>		<b>1.487.529.072.955</b>	<b>1.415.069.683.325</b>

Kế toán trưởng  
Phạm Tâm Hạnh

Giám đốc Tài chính  
Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc  
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2008

*Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính riêng này.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**Hoạt động**

Công ty được cấp Giấy phép Hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng kí lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh số 03/2000/GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Năm 2007, Công ty đã ngừng thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán 2006 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2007. Toàn bộ hoạt động này được chuyển giao sang công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng.

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.199.998.710.000 đồng Việt nam.

Trong năm 2007, Công ty có các đợt tăng vốn điều lệ như sau:

<u>Vốn tăng lên (đồng Việt Nam)</u>	<u>Được phê duyệt theo</u>	<u>Ngày</u>
799.999.170.000	Giấy phép số 81/UBCK-GPDCCTCK	5 tháng 10 năm 2007
1.199.998.710.000	Giấy phép số 110/UBCK-GPDCCTCK	3 tháng 3 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Tastsuoka Toyoji	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007

**Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Duy Hưng	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2006 và miễn nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 1999

**Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2005
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007

**Mạng lưới hoạt động**

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai (02) chi nhánh tại Hà Nội, và một (01) chi nhánh tại Hải Phòng.

**Công ty con**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty có một (01) công ty con như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Được thành lập theo</u>	<u>Ngành hoạt động</u>	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>% sở hữu</u>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư	30 tỷ đồng Việt Nam	100%

Ngày 14 tháng 11 năm 2007, Công ty đã ra Nghị quyết số 45/2007/NQ-HĐQT theo đó sẽ tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI lên 200 tỷ đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

***Đầu tư vào Quỹ Tầm nhìn SSI***

Trong năm 2007, Công ty cũng đã đầu tư vào quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 8 năm 2007.

***Nhân viên***

Tổng số nhân viên đang làm việc cho SSI tại cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 398 người (năm 2006 là 165 người).

**II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

***1. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng***

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết được trình bày dưới đây.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

**3. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**6. Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**7. Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

**8. Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

## II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 9 *Đầu tư vào chứng khoán*

#### 9.1 *Chứng khoán tự doanh*

Chứng khoán tự doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán. Các khoản trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

#### 9.2 *Chứng khoán đầu tư dài hạn*

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

### 10. *Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Danh sách các công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số I.

### 11. *Đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể*

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các quỹ đầu tư được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Danh sách các quỹ đầu tư mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày tại Thuyết minh số I.

### 12. *Các hợp đồng mua lại và bán lại*

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**13. Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư**

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhân được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Cuối năm 2007, Công ty đã ngừng thực hiện các hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư. Các hoạt động này được chuyển giao sang công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI. Theo đó giá trị ghi sổ tại ngày chuyển giao của toàn bộ các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhân được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được chuyển sang ghi nhận và trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

**14. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

**16. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**17. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và năm 2006 được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập ( hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**19. Các quỹ**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

### III. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### III.1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

	<i>Môi giới và dịch vụ khách hàng</i>	<i>Tự doanh</i>	<i>Kinh doanh nguồn vốn</i>	<i>Quản lý danh mục</i>	<i>Các bộ phận khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>						
1. Doanh thu thuần	255.569.535.548	803.952.593.588	136.880.708.249	21.765.895.794	75.162.335.162	1.293.331.068.341
2. Các chi phí trực tiếp	41.748.314.990	62.084.094.350	118.371.875.924	34.166.667	5.053.912.600	227.292.364.531
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	86.108.660.315	3.939.611.910	562.801.701	562.801.701	24.200.473.162	115.374.348.789
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>127.712.560.243</b>	<b>737.928.887.328</b>	<b>17.946.030.624</b>	<b>21.168.927.426</b>	<b>45.907.949.400</b>	<b>950.664.355.021</b>
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>						
Tài sản bộ phận	1.591.407.732.496	4.135.256.812.807	-	-	-	5.726.664.545.303
Tài sản phân bổ	304.540.934.913	13.933.245.388	1.990.463.627	1.990.463.627	85.589.935.956	408.045.043.511
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.895.948.667.409</b>	<b>4.149.190.058.195</b>	<b>1.990.463.627</b>	<b>1.990.463.627</b>	<b>85.589.935.956</b>	<b>6.134.709.588.814</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.352.486.688.778	-	629.438.020.000	-	-	1.981.924.708.778
Nợ phân bổ	78.115.029.629	3.573.890.244	510.555.749	510.555.749	21.953.887.216	104.663.918.587
<b>Tổng công nợ</b>	<b>1.430.601.718.407</b>	<b>3.573.890.244</b>	<b>629.948.575.749</b>	<b>510.555.749</b>	<b>21.953.887.216</b>	<b>2.086.588.627.365</b>

#### III.2. Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**IV.1. Tiền gửi ngân hàng**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	150.412.204.930	519.319.400
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	50.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.303.424.713	2.376.762.133
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	6.238.557.116	3.559.336.533
	<b>218.954.186.759</b>	<b>6.455.418.066</b>

**IV.2. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	376.451.763.625	1.064.887.529.181
Ngân hàng Indovina Bank Ltd	167.457.176.712	223.629.340.491
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	184.690.304.935	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	150.227.021.746	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh	101.345.876.743	-
Ngân hàng ANZ	99.178.516.439	17.914.197
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	53.041.324.604	2.537.381.497
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	52.584.695.834	58.574.022.839
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải	12.028.566.066	23.548.520.457
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	31.537.315.777	14.478.731.474
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	11.425.462.577	-
Ngân hàng VID Public	9.599.906.404	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	8.553.012.770	9.443.382.622
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	4.050.984.140	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	872.385.064	-
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	14.995.117	-
Ngân hàng TMCP Phương Nam	841.030.629	2.718.836.513
Ngân hàng Korea Exchange Bank	763.538.927	1.356.927.223
	<b>1.264.663.878.109</b>	<b>1.401.192.586.494</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.3. Chứng khoán tự doanh**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chứng khoán tự doanh	370.902.592.198	1.604.210.566.534
Chứng khoán tự doanh đã bán ủy thác đầu tư	-	64.480.678.400
	<b>370.902.592.198</b>	<b>1.668.691.244.934</b>

Chi tiết chứng khoán tự doanh:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	63.738.913.438	572.069.819.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	130.065.146.156	262.492.671.227
Trái phiếu các loại	177.098.532.604	769.648.075.807
	<b>370.902.592.198</b>	<b>1.604.210.566.534</b>

Chi tiết chứng khoán tự doanh đã bán ủy thác đầu tư:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Trái phiếu Chính phủ	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	64.480.678.400
	-	<b>64.480.678.400</b>

**IV.4. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Trái phiếu	-	-
Cổ phiếu niêm yết	-	27.067.766.786
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	93.034.739.000
	-	<b>120.102.505.786</b>

Các tài sản đầu tư được các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư của người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.4. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư (tiếp theo)**

Cuối năm 2007, Công ty đã ngừng thực hiện các hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư. Các hoạt động này được chuyển giao sang công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI. Theo đó giá trị ghi sổ tại ngày chuyển giao của toàn bộ các tài sản đầu tư của các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được chuyển sang ghi nhận và trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

**IV.5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2006 VND
Cổ phiếu niêm yết	1.961.115.550	2.627.210.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	58.920.000.000	-
	<b>60.881.115.550</b>	<b>2.627.210.000</b>

(\*): Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết là khoản dự phòng cho cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đông Á dựa trên giá chứng khoán tham khảo giá thị trường OTC tại ngày 31 tháng 12 năm 2007.

**IV.6. Phải thu của nhà đầu tư**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2006 VND
Phí giao dịch chứng khoán còn phải thu	256.066.505	1.352.195.188
Phí tư vấn còn phải thu	14.265.000.000	648.500.000
Phí bảo lãnh phát hành còn phải thu	300.000.000	-
Phí lưu ký còn phải thu	1.601.000.000	-
Phải thu từ theo cam kết mua và bán lại chứng khoán	142.570.915.000	47.641.500.000
Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	91.027.452.015	86.416.814.163
Phải thu khác	8.446.600	-
	<b>250.028.880.120</b>	<b>136.059.009.351</b>

Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán là khoản tiền thanh toán để mua các chứng khoán theo các thỏa thuận mua và cam kết bán lại. Các thỏa thuận này có thời hạn hiệu lực từ 3 đến 6 tháng và có mức lãi suất từ 1,1%/tháng đến 1,26%/tháng.

Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán. Theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán vào ngày thứ ba (ngày T+3) kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công trên trung tâm giao dịch. Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư trong thời gian Trung tâm giao dịch chứng khoán bù trừ tiền sẽ chịu mức phí là 0,04%/ngày tính trên số tiền ứng trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.7. Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi trái phiếu đô thị TP. HCM	72.555.556	315.000.000
Lãi trái phiếu Chính phủ còn phải thu	20.759.821.367	18.411.117.321
Lãi trái phiếu các tổ chức khác còn phải thu	38.371.894.854	15.845.497.269
Cổ tức còn phải thu	90.000.000	-
	<b><u>59.294.271.777</u></b>	<b><u>34.571.614.590</u></b>

**IV.8. Ứng trước cho người bán**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Khoản tiền ứng trước cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ	1.947.487.954	1.906.729.040
Khoản tiền mua quyền cổ phần và cổ phiếu đang chờ chuyển nhượng quyền sở hữu	571.974.543.400	22.809.790.897
Khoản tiền mua trái phiếu đang chờ chuyển nhượng quyền sở hữu	200.000.000.000	-
Ứng trước tiền mua cổ phiếu Than Hà Lâm cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	20.824.000.000	-
Ứng trước tiền mua nhà tại TP. Hồ Chí Minh và Vũng Tàu	46.924.280.000	-
Các khoản ứng trước cho người bán khác	135.743.800	-
	<b><u>841.806.055.154</u></b>	<b><u>24.716.519.937</u></b>

**IV.9. Phải thu khác**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải thu của Công ty Tài chính Dầu khí tiền đặt cọc, vốn ủy thác	-	56.669.000.000
Phải thu Công ty Quản lý Quỹ SSIAM khoản vốn ủy thác	1.290.000.000	-
Khoản tiền vốn ủy thác của khách hàng chậm trả còn phải thu	-	70.474.600.000
Phí ủy thác còn phải thu của khách hàng	-	1.019.607.959
Phải thu lãi tiền gửi	1.153.750.000	-
Các khoản khác	713.510.204	2.197.503.809
	<b><u>3.157.260.204</u></b>	<b><u>130.360.711.768</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.10. Tạm ứng**

Các khoản tạm ứng của nhân viên trong Công ty để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

**IV.11. Chi phí trả trước**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá trị công cụ dụng cụ, các chi phí ngắn hạn còn phải phân bổ	1.975.817.170	850.012.351
	<b>1.975.817.170</b>	<b>850.012.351</b>

**IV.12. Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Khoản đặt cọc cho Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội để tham gia đấu giá mua cổ phần	-	13.455.000.000
Khoản đặt cọc cho Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh để tham gia đấu giá mua cổ phần	17.419.978.000	10.500.000.000
Khoản đặt cọc cho Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư Việt Nam mua cổ phiếu	-	12.000.000.000
Các khoản đặt cọc khác	417.000.000	236.500.000
	<b>17.836.978.000</b>	<b>36.191.500.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.13. Tài sản cố định**

**IV.13.1. Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2006	5.308.868.059	6.584.713.103	168.518.289	12.062.099.451
Tăng trong năm	29.530.182.198	6.066.463.800	62.535.000	35.659.180.998
<i>Mua trong năm</i>	29.530.182.198	6.066.463.800	62.535.000	35.659.180.998
Giảm trong năm	1.786.046.199	840.000.000	48.701.195	2.674.747.394
<i>Bán thanh lý</i>	1.673.446.199	840.000.000	12.451.195	2.525.897.394
<i>Phân loại sang TSCĐ vô hình</i>	112.600.000	-	36.250.000	148.850.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	33.053.004.058	11.811.176.903	182.352.094	45.046.533.055
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2006	3.286.993.931	1.346.921.578	126.919.658	4.760.835.167
Tăng trong năm	4.742.680.424	1.613.716.277	33.151.114	6.389.547.815
<i>Khấu hao</i>	4.742.680.424	1.613.716.277	33.151.114	6.389.547.815
Giảm trong năm	1.610.480.140	840.000.000	45.418.570	2.495.898.710
<i>Bán thanh lý</i>	1.505.597.047	840.000.000	12.451.193	2.358.048.240
<i>Phân loại sang TSCĐ vô hình</i>	104.883.093	-	32.967.377	137.850.470
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	6.419.194.215	2.120.637.855	114.652.202	8.654.484.272
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2006	2.021.874.128	5.237.791.525	41.598.631	7.301.264.284
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	26.633.809.843	9.690.539.048	67.699.892	36.392.048.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.13.2 Tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm</i> VND	<i>Quyền sử dụng đất</i> VND	<i>Tài sản vô hình khác</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
<b>Nguyên giá</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2006	1.448.000.000	-	-	1.448.000.000
Tăng trong năm	7.588.933.000	64.663.652.800	208.864.000	72.461.449.800
<i>Mua mới</i>	7.552.683.000	64.663.652.800	96.264.000	72.312.599.800
<i>Phân loại từ TSCĐ hữu hình</i>	36.250.000	-	112.600.000	148.850.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	9.036.933.000	64.663.652.800	208.864.000	73.909.449.800
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2006	594.439.985	-	-	594.439.985
Khấu hao trong năm	730.797.224	-	109.472.206	840.269.430
<i>Khấu hao</i>	697.829.847	-	4.589.113	702.418.960
<i>Phân loại từ TSCĐ hữu hình</i>	32.967.377	-	104.883.093	137.850.470
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	1.325.237.209	-	109.472.206	1.434.709.415
<b>Giá trị còn lại</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2006	853.560.015	-	-	853.560.015
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	7.711.695.791	64.663.652.800	99.391.794	72.474.740.385

**IV.14. Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i> VND
Trái phiếu	964.685.607.325	126.244.407.050
Cổ phiếu	1.471.246.035.434	-
	<b>2.435.931.642.759</b>	<b>126.244.407.050</b>

Bao gồm trong số chứng khoán đầu tư dài hạn trên có 4.000.000 cổ phiếu VSH thế chấp cho các khoản vay đã tất toán tại Ngân hàng Indovina Bank – chi nhánh Hà Nội và 2.069.000 trái phiếu chính phủ cầm cố cho các khoản vay đã tất toán tại Ngân hàng BIDV – chi nhánh Hà Thành đang chờ hoàn tất các thủ tục giải chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.15. Đầu tư vào các công ty liên kết**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau

<i>Tên đơn vị nhận vốn đầu tư</i>	<i>Tổng vốn góp của đơn vị nhận đầu tư (VND)</i>	<i>% sở hữu của Công ty</i>	<i>Giá trị góp vốn (VND)</i>
Quỹ Tầm nhìn SSI	1.700.000.000.000	28,53%	485.000.000.000
			<b>485.000.000.000</b>

**IV.16. Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006 VND</i>	<i>% sở hữu của Công ty</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	30.000.000.000	-	100%
	<b>30.000.000.000</b>	-	

**IV.17. Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006 VND</i>	<i>% sở hữu của Công ty VND</i>
Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười	51.505.150.000	21.571.900.000	9,98%
Công ty Thủy điện Hủa Na	9.000.000.000	-	9%
Công ty Xây dựng và Đầu tư Đại Việt	6.000.000.000	-	12%
Công ty Bất động sản SSI	15.000.000.000	-	15%
	<b>81.505.150.000</b>	<b>21.571.900.000</b>	

**IV.18. Ký quỹ, ký cược dài hạn**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006 VND</i>
Khoản đặt cọc tiền thuê nhà	6.004.744.132	6.512.596.300
Các khoản khác	10.900.000	33.750.106
	<b>6.015.644.132</b>	<b>6.546.346.406</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.19. Tài sản dài hạn khác**

Tài sản dài hạn khác của Công ty bao gồm các chi phí dài hạn chưa phân bổ hết vào chi phí tại thời điểm cuối năm. Tình hình phân bổ chi phí dài hạn trong năm được chi tiết như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Số dư đầu kỳ	1.541.085.090	1.209.407.244
Tăng trong kỳ	12.469.192.229	909.787.001
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	3.238.002.962	578.109.155
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>10.772.274.357</u></b>	<b><u>1.541.085.090</u></b>

**IV.20. Vay ngắn hạn**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	100.000.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	-	30.000.000.000
Indovina Bank - Chi nhánh Hà Nội	-	95.000.000.000
Các khoản vay theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn	-	24.000.000.000
	<b><u>-</u></b>	<b><u>249.000.000.000</u></b>

**IV.21. Phải trả người bán**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản bán repo trái phiếu còn phải trả	-	148.830.890.000
<i>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam</i>	-	102.577.200.000
<i>Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và     Phát triển Nông thôn Việt Nam</i>	-	29.933.250.000
<i>Các khách hàng khác</i>	-	16.320.440.000
Khoản đặt cọc mua chứng khoán của Công ty Quản lý Quỹ SSI	15.000.000.000	-
Các khoản khác	2.837.678.499	39.050.000
	<b><u>17.837.678.499</u></b>	<b><u>148.869.940.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.22. Người mua ứng trước**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	2.423.998.130	913.814.400
Nhận đặt cọc từ Quỹ Tâm nhìn SSI để mua cổ phiếu Hoàng Anh Gia Lai	82.500.000.000	-
Các khách hàng khác	966.516.284	-
	<b>85.890.514.414</b>	<b>913.814.400</b>

**IV.23. Thuế và các khoản phải trả khác**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế Giá trị Gia tăng	105.052.660	-
Thuế Thu nhập Cá nhân	14.446.090.378	4.604.913
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	72.714.774.513	59.694.275.427
Thuế khác	656.914.740	215.905.441
	<b>87.922.832.291</b>	<b>59.914.785.781</b>

***Thuế Giá trị Gia tăng***

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp***

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm kinh doanh có lãi đầu tiên của công ty là 2001. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 1999. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 28%.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5428/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài Chính, các công ty mới niêm yết trên thị trường chứng khoán được giảm trừ 50% thuế TNDN tính từ năm đầu tiên niêm yết. Công ty đã được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà nội ngày 15 tháng 12 năm 2006. Theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm 2007 là 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.23. Thuế và các khoản phải trả khác (tiếp theo)**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	950.664.355.021	302.690.566.839
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.670.565.000)	609.601.642
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	669.101.642
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(1.670.565.000)	(59.500.000)
Tổng lợi nhuận tính thuế	948.993.790.021	303.300.168.481
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp	10%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</b>	<b>94.899.379.002</b>	<b>60.660.033.696</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	59.694.275.427	1.618.644.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung năm trước	590.263.933	846.846.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	82.469.143.849	3.431.249.084
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính còn phải nộp cuối năm</b>	<b>72.714.774.513</b>	<b>59.694.275.427</b>

(\*): Các khoản điều chỉnh giảm bao gồm các khoản thu nhập cổ tức từ cổ phiếu đầu tư dài hạn không chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**IV.24 Chi phí phải trả**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí lãi vay phải trả	-	2.463.776.096
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	73.878.020.000	5.450.000.000
Chi phí phải trả Trung tâm Giao dịch Chứng khoán	2.588.699.197	-
Trợ cấp mất việc làm	1.018.627.906	224.093.677
Phải trả Công ty Tài chính Dầu khí	536.208.080	-
Các khoản khác	-	51.844.417
	<b><u>78.021.555.183</u></b>	<b><u>8.189.714.190</u></b>

**IV.25. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán**

	<i>Ngày 31 tháng 12 Năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	-	-
Tổng Công ty Bia rượu Nước Giải khát Sài Gòn	-	19.097.485.000
Công ty Nước Giải khát Hà Tĩnh	-	-
Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	24.572.450.000
Công ty Cổ phần Ligogi 16	5.453.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	1.380.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Nhựa Hà Nội	2.175.669.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải	1.677.060.000	-
Các khách hàng khác	2.027.806.200	12.352.434.800
	<b><u>12.713.535.200</u></b>	<b><u>56.022.369.800</u></b>

**IV.26. Phải trả phải nộp khác**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải nộp	820.687.547	44.496.047
Các khoản khác	3.174.580.330	7.162.848.282
	<b><u>3.995.267.877</u></b>	<b><u>7.207.344.329</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.27. Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhà đầu tư của Trụ sở chính	937.338.699.675	809.281.609.747
Nhà đầu tư của Chi nhánh Hà Nội	237.854.204.481	314.575.544.555
Nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác	<u>61.531.344.015</u>	<u>13.236.367.703</u>
	<b><u>1.236.724.248.171</u></b>	<b><u>1.137.093.522.005</u></b>

**IV.28. Nợ dài hạn**

Nợ dài hạn thể hiện số dư trái phiếu chuyển đổi với chi tiết tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 như được trình bày dưới đây:

<i>Tên Trái phiếu</i>	<i>Ngày bắt đầu</i>	<i>Mệnh giá (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Kỳ hạn (tháng)</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tổng giá trị (VND)</i>
SSICB0106	30/11/2006	100.000	1.500.000	14	12%	150.000.000.000
	29/08/2007	100.000	166.680	(*)	12%	16.668.000.000
SSICB0206	30/11/2006	100.000	1.500.000	26	13,20%	150.000.000.000
	29/08/2007	100.000	166.680	(*)	13,20%	16.668.000.000
SSICB0306	30/11/2006	100.000	2.000.000	38	13,80%	200.000.000.000
	29/08/2007	100.000	222.240	(*)	13,80%	22.224.000.000
						<b><u>555.560.000.000</u></b>

(\*) Vào ngày 29 tháng 8 năm 2007, Công ty phát hành thêm 555.600 trái phiếu chuyển đổi trị giá 55,560 tỷ đồng Việt Nam cho cổ đông chiến lược là Ngân hàng ANZ. Các trái phiếu phát hành thêm cho Ngân hàng ANZ này có ngày đến hạn tương tự các trái phiếu cùng loại đã phát hành trong năm 2006.

Điều kiện và tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu như sau:

<i>Tỷ lệ chuyển đổi:</i>	Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu bằng mệnh giá, 1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng Việt Nam chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam.
<i>Thời gian chuyển đổi:</i>	chậm nhất vào 30 tháng 1 hàng năm, bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2008, thời hạn chuyển đổi có thể sớm hơn tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
<i>Các điều kiện khác:</i>	các trái phiếu này không được bảo đảm. Công ty có quyền không trả trái tức cho các nhà đầu tư nếu như việc chi trả gây lỗ cho công ty, trong trường hợp này, số trái tức chưa trả sẽ được cộng chung vào tiền gốc trái phiếu kỳ hạn tiếp theo để tính lãi. Trong trường hợp Công ty bị phá sản, các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu sẽ là đối tượng cuối cùng được nhận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.29. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2006</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư	-	341.549.377.012
Các khách hàng ủy thác tham gia đấu giá cổ phần	-	9.826.850.000
Các khách hàng ủy thác đầu tư khác	-	670.000.000
	<u>-</u>	<u><b>352.046.227.012</b></u>

Các tài sản đầu tư được các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư của người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Cuối năm 2007, Công ty đã ngừng thực hiện các hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư. Các hoạt động này được chuyển giao sang công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI. Theo đó giá trị ghi sổ tại ngày chuyển giao của toàn bộ các tài sản đầu tư của các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được chuyển sang ghi nhận và trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.30. Vốn chủ sở hữu**

**IV. 30.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> VND	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i> VND	<i>Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính</i> VND	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> VND	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	52.000.000.000	1.704.360.000	1.399.698.746	112.426.636	19.568.527.568	74.785.012.950
Trích bổ sung thuế năm trước					(846.846.245)	(846.846.245)
Tăng vốn bằng tiền	253.000.000.000	690.549.150.000	-	-	-	943.549.150.000
Tăng vốn từ thặng dư vốn	181.704.360.000	(181.704.360.000)	-	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ dự phòng vốn điều lệ, quỹ khen thưởng	2.699.849.373	-	(699.849.373)	-	-	2.000.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	10.595.790.627	-	2.534.131.098	-	(13.129.921.725)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	5.068.262.196	(5.068.262.196)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.233.234.741)	-	(6.233.234.741)
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	242.030.533.143	242.030.533.143
Tạm ứng cổ tức năm trước (25%)	-	-	-	-	(48.000.000.000)	(48.000.000.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>510.549.150.000</b>	<b>3.233.980.471</b>	<b>(1.052.545.909)</b>	<b>194.554.030.545</b>	<b>1.207.284.615.107</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	500.000.000.000	510.549.150.000	3.233.980.471	(1.052.545.909)	194.554.030.545	1.207.284.615.107
Trích bổ sung thuế năm trước	-	-	-	-	(650.480.918)	(650.480.918)
Tăng vốn bằng tiền	199.999.600.000	1.885.228.355.000	-	-	-	2.085.227.955.000
Tăng vốn từ thưởng cổ phiếu cho cổ đông dùng nguồn thặng dư vốn	399.999.540.000	(399.999.540.000)	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	99.999.570.000	-	-	-	(99.999.570.000)	-
Trích lập quỹ trong năm	-	-	25.413.205.980	58.406.106.628	(83.819.312.608)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(49.506.303.759)	-	(49.506.303.759)
Lợi nhuận sau thuế 2007	-	-	-	-	855.764.976.019	855.764.976.019
Tạm ứng cổ tức năm 2007	-	-	-	-	(49.999.800.000)	(49.999.800.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</b>	<b>1.199.998.710.000</b>	<b>1.995.777.965.000</b>	<b>28.647.186.451</b>	<b>7.847.256.960</b>	<b>815.849.843.038</b>	<b>4.048.120.961.449</b>

(\*): Quỹ khen thưởng phúc lợi sử dụng trong năm chủ yếu cho mục đích thưởng cho Ban Điều hành và nhân viên với tổng số tiền là 35.199.344.000 đồng Việt Nam. Ngoài ra, Quỹ được sử dụng cho các mục đích phúc lợi và từ thiện khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.30.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm Công ty đang chờ công văn phê duyệt chính thức của Ủy ban Chứng khoán về việc tăng vốn điều lệ lên 1.199.998.710.000 đồng Việt Nam. Đến ngày 15 tháng 3 năm 2008, Công ty đã nhận được công văn phê duyệt chính thức về việc tăng vốn này.

Ngày 5 tháng 12 năm 2007, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thông qua Nghị quyết số 03/2007/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty lên 2.000 tỷ đồng trong năm 2008.

**IV.30.2. Cổ phiếu phổ thông**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành của Công ty là 119.999.871 (năm 2006: 50.000.000). Công ty không phát hành cổ phiếu ưu đãi hoặc cổ phiếu có thể chuyển đổi.

**IV.31. Các quỹ**

	<i>Số đầu năm</i> VND	<i>Tăng trong năm</i> VND	<i>Giảm trong năm</i> VND	<i>Số cuối năm</i> VND
Quỹ dự trữ	3.233.980.471	25.413.205.980	-	28.647.186.451
<i>Dự trữ pháp định</i>	1.966.914.922	12.101.526.657	-	14.068.441.579
<i>Dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	1.267.065.549	12.101.526.657	-	13.368.592.206
<i>Dự trữ dự phòng tài chính</i>	-	1.210.152.666	-	1.210.152.666
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.052.545.909)	58.406.106.628	(49.506.303.759)	7.847.256.960
	<b>2.181.434.562</b>	<b>83.819.312.608</b>	<b>(49.506.303.759)</b>	<b>36.494.443.411</b>

**IV.32. Doanh thu**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	250.375.769.444	49.204.063.577
Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	695.396.145.555	194.427.361.720
Doanh thu quản lý DM đầu tư cho người UTĐT	21.765.895.794	60.004.346.555
Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán	51.620.852.881	8.911.433.540
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23.303.341.001	7.351.342.719
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	5.480.963.894	1.194.330.245
Doanh thu về vốn kinh doanh	136.880.708.249	18.490.938.841
Doanh thu cho thuê TS, sử dụng thiết bị, thông tin	-	357.666.870
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(287.197.790)	(500.000)
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>1.184.536.479.028</b>	<b>339.940.984.067</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**IV.33. Thu lãi đầu tư**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi trái phiếu đô thị Tp. Hồ Chí Minh	180.000.000	180.000.000
Lãi trái phiếu chính phủ	38.519.741.362	22.452.922.228
Lãi trái phiếu các tổ chức khác	66.895.596.676	15.845.497.269
Cổ tức	2.961.109.995	59.500.000
	<b><u>108.556.448.033</u></b>	<b><u>38.537.919.497</u></b>

**IV.34. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	55.615.432.156	3.173.402.242
Chi phí tự doanh chứng khoán	1.202.978.800	5.336.583.412
Chi phí quản lý danh mục cho người đầu tư	34.166.667	5.182.639.715
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	5.000.000.000	-
Chi phí tư vấn cho người đầu tư	53.912.600	210.420.500
Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	60.881.115.550	2.627.210.000
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	118.371.875.924	35.563.729.246
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	100.410.402.992	23.068.326.725
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>45.544.140.098</i>	<i>9.162.732.871</i>
<i>Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm</i>	<i>1.495.946.193</i>	<i>772.646.328</i>
<i>Chi phí trả trước và công cụ</i>	<i>3.542.087.677</i>	<i>2.484.467.867</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>15.365.496.664</i>	<i>1.585.893.562</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>10.698.142.272</i>	<i>3.065.660.382</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>10.658.641.911</i>	<i>2.335.698.533</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>13.105.948.177</i>	<i>3.661.227.182</i>
	<b><u>341.569.884.689</u></b>	<b><u>75.162.311.840</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**V. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế của cổ đông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 103.150.659 (năm 2006: 35.083.151).

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Khoản đầu tư vào công ty liên kết	485.000.000.000
		Khoản phải trả tiền đặt cọc mua cổ phiếu	82.500.000.000
Công ty Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Đầu tư góp vốn	15.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu	Ủy thác đầu tư	1.290.000.000
		Đầu tư góp vốn	30.000.000.000
		Đặt cọc mua cổ phiếu Than Hà Lâm	20.824.000.000
		Nhận đặt cọc mua cổ phiếu Hoàng Anh Gia Lai cho danh mục ủy thác đầu tư	15.000.000.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Khoản tiền gửi của nhà đầu tư tại NH ANZ	99.178.516.439
		Nợ dài hạn do phát hành thêm trái phiếu chuyển đổi cho ANZ	55.560.000.000
		Chi phí từ hoạt động bảo lãnh phát hành trái phiếu Vinashin cho ANZ	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**V. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu (VND)</i>	<i>Khoản phải trả (VND)</i>
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Đầu tư dài hạn vào công ty liên doanh liên kết Phải trả tiền đặt cọc mua cổ phiếu	485.000.000.000	(82.500.000.000)
Công ty Bất động sản SSI (SSIRE)	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% vốn sở hữu	Vốn ủy thác đầu tư Đầu tư góp vốn Đặt cọc mua cổ phiếu Than Hà Lâm Nhận đặt cọc mua cổ phiếu Hoàng Anh Gia Lai	1.290.000.000 30.000.000.000 20.824.000.000	(15.000.000.000)
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH ANZ Nợ dài hạn phải trả do phát hành thêm trái phiếu chuyển đổi cho ANZ	99.178.516.439	(55.560.000.000)

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc trong năm 2007 là 11.556.800.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**V. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**3. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng**

*Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Đến 1 năm	15.052.390.958	1.444.452.000
Trên 1 – 5 năm	76.118.319.900	-
Trên 5 năm	35.354.474.688	-

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2007. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 16.091.

**Các cam kết góp vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty còn cam kết góp vốn thêm vào Công ty Thủy điện Hủa Na với số tiền là 51.000.000.000 đồng Việt Nam.

**4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	51,50	4,41
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	48,50	95,59
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	34,01	67,63
<i>Nợ phải trả/Tổng tài sản</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,94	2,13
<i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,94	2,13
<i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,97	0,85
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	72,22	71,19
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	13,95	6,49
<i>(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	%	71,32	48,41
<i>(Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ)</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**V. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**5. Các số liệu so sánh**

Một số số liệu năm 2006 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại.

**6. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm**

Tại ngày 30 tháng 1 năm 2008, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu thành cổ phiếu. Vốn điều lệ của Công ty tăng lên tương ứng là 1.366.666.710.000 đồng.

**VI. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2008.

\_\_\_\_\_  
Kế toán Trưởng  
Phạm Tâm Hạnh

\_\_\_\_\_  
Giám đốc Tài chính  
Nguyễn Thị Thanh Hà

\_\_\_\_\_  
Tổng Giám đốc  
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2008